

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/ST- DS.

Ngày: 23-10-2019

V/v: “Bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm.

2. Ông Trần Ái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ch, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 4, ấp SD, xã TB, huyện CT, tỉnh TN. Có mặt.

Bị đơn:

1/ Ông Phan Văn N, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 14, ấp G Q, xã G L, huyện T B, tỉnh T N. Có đơn xin vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 14, ấp G Q, xã G L, huyện T B, tỉnh T N. Có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1947; địa chỉ: Tổ 4, ấp S D, xã T B, huyện C T, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc nguyên đơn bà Đỗ Thị Ch trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thúy H phải bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền 20.500.000 đồng, do bị đơn hủy đám cưới, gồm đặt cọc để nấu đám cưới là 13.500.000 đồng, tiền xe rước dâu 1.000.000 đồng, tiền may quần áo: 1.000.000 đồng, tiền nấu trong tiệc đám hỏi 5.000.000 đồng. Cụ thể:

Được sự đồng ý của hai gia đình, ngày 12-8-2017 âm lịch gia đình nguyên đơn tổ chức đám hỏi cho con gái là Nguyễn Thị Thu Ng và con trai của bị đơn là Phan Thanh D. Ngày đám hỏi gia đình bị đơn có cho chị Ng đôi bông tai, sợi dây, 01 lắc tay tất cả vàng 24K, 01 bộ xi men vàng 18K và chiếc nhẫn 18k không biết trọng lượng và nạp tài đám hỏi 10.000.000 đồng, đám cưới 5.000.000 đồng, cho chị Ng 3.000.000 đồng để thuê áo cưới, may quần áo và trang điểm và thống nhất ngày 21-11-2017 rước dâu.

Ngày 23-10-2017 âm lịch gia đình bị đơn kêu chị Ng về gia đình bên bị đơn chụp hình cổng. Khi về chị Ng nói lại cho nguyên đơn nghe là *“gia đình chồng kêu lấy tiền nạp tài đám cưới để trả tiền xe, nếu không đồng ý hủy đám cưới”*. Sau khi, nghe chị Ng nói thì nguyên đơn có nhờ ông Trần Văn H nhà ở ấp S D, xã TB, huyện CT, tỉnh TN, là trưởng tộc của bị đơn cũng là dượng của bị đơn, hỏi lại việc con nguyên đơn nói đúng hay sai? Vì ngày đám hỏi ông H nói trước hai họ là *“ngày cưới nhà gái được qua bị đơn 50 người, nhà gái kêu xe nhà trai trả tiền xe”*. Ông H hỏi lại thì gia đình bị đơn cũng trả lời là *“lấy tiền nạp tài trả tiền xe, nếu không đồng ý thì hủy đám cưới”*.

Sau khi nghe tin như vậy, gia đình nguyên đơn có mời bị đơn lên nhà để nói rõ vấn đề trên thì bị đơn không đến.

Sau 01 tuần bị đơn không đến nguyên đơn đi hủy các hợp đồng nấu ăn và hợp đồng xe đưa dâu.

Sau 01 tuần kể từ khi nguyên đơn hủy các hợp đồng trên, thì bị đơn cậy người đến xin lỗi để tiếp tục đám cưới, nguyên đơn cũng đồng ý và thống nhất qua tết coi ngày lại vì thời gian đến ngày cưới còn rất ít, không thể chuẩn bị kịp. Đồng thời đề nghị cho chị Ng liên lạc với anh D, bên gia đình trai đồng ý nhưng sau đó gia đình nguyên đơn không liên lạc được với anh D.

Vào tháng 12 âm lịch năm 2017 gia đình bị đơn có hỏi lại *“cho cưới hay không? không cho cưới thì trả của lại cho gia đình bị đơn”* nguyên đơn có nói *“hai đứa không liên lạc thì làm sao tổ chức lễ cưới được ?”*. Sau đó, gia đình bị đơn đi khởi kiện đòi hết tiền, vàng (trừ tiền nạp tài đám hỏi) đã đưa cho gia đình nguyên đơn trong ngày đám hỏi tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh tây Ninh.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn, buộc gia đình nguyên đơn và chị Ng phải trả lại hết. Nguyên đơn kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét thấy gia đình hai bên đều có lỗi nên buộc gia đình nguyên đơn và con gái nguyên đơn phải trả lại 50% số tiền, vàng mà gia đình bị đơn đã đưa.

Ngày 10.10.2019 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn 14.500.000 đồng gồm cọc để nấu đám cưới là 13.500.000 đồng và tiền tiền xe rước dâu 1.000.000 đồng, không yêu cầu phần tiền đám hỏi và tiền may đồ cưới.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định ngày 23-10-2017 âm lịch sau khi nghe chị Ng nói việc “*nhà trai yêu cầu lấy tiền nạp tài đám cưới trả tiền xe đưa dâu*”, sáng ngày 24-10-2017 âm lịch nguyên đơn có gọi điện cho bà Nguyễn Thúy H hỏi vấn đề trên không ấn định thời gian cụ thể và trưa cùng ngày nguyên đơn đến gặp ông H nói nhưng không yêu cầu ông H đến gặp nhà trai hỏi rõ vấn đề trên, sau đó nguyên đơn thay đổi lời trình bày xác định có yêu cầu ông H đến gặp nhà trai làm rõ vấn đề trên.

Bị đơn ông Phan Văn N và chị Nguyễn Thúy H trình bày :

Do mai mối nên con trai của bị đơn tên Phan Thanh D và chị Nguyễn Thị Thu Ng con nguyên đơn tiến tới hôn nhân.

Ngày 01-10-2017 nhằm ngày 12-08-2017 âm lịch hai bên tiến hành lễ hỏi tại nhà nguyên đơn, gia đình bị đơn có giao cho nguyên đơn và chị Ng 18.000.000 đồng gồm tiền phụ đám hỏi 10.000.000 đồng; tiền quần áo cho cô dâu: 3.000.000 đồng; tiền phụ đám cưới 5.000.000 đồng; nữ trang gồm: Đôi bông tai 01 chỉ, sợi dây 03 chỉ, 01 lắc tay 02 chỉ tất cả vàng 24K, 01 bộ xi men 10 chiếc 5,765 chỉ và 01 chiếc nhẫn 5 phân 525 ly 18k. Hai bên thống nhất đến ngày 21.11.2017 âm lịch sẽ tiến hành lễ cưới. Sau đó, bên nguyên đơn không cho cưới, lý do theo chị Ng thì nguyên đơn chê nạp tài và nữ trang ít. Gia đình bị đơn có đến bàn bạc, thì nguyên đơn không cho cưới, lý do cô dâu không chịu. Về tiền mặt bị đơn đã giao xong, không hứa hẹn cho thêm. Việc nguyên đơn chi phí nấu ăn, thuê xe bao nhiêu bị đơn không cần biết và không có nghĩa vụ phải biết. Đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn.

Người làm chứng ông Trần Văn H trình bày: Việc nguyên đơn trình bày đã yêu cầu ông đến gia đình bị đơn làm rõ vấn đề sử dụng tiền nạp tài đám cưới vào việc thuê xe đưa dâu, ông mới nghe lần đầu tại phiên tòa, nguyên đơn không có trao đổi với ông về vấn đề trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Trong vụ án trên có thiệt hại xảy ra nhưng do lỗi của bên bị thiệt hại nên căn cứ vào Điều 584 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có đơn xin vắng, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn 14.500.000 đồng gồm cọc để nấu đám cưới là 13.500.000 đồng và tiền tiền xe rước dâu 1.000.000đồng. Do bị đơn hủy đám cưới của chị Ng và anh D. Bị đơn không đồng ý.

Tại biên bản ghi lời khai đương sự ngày 9.8.2019 (bút lục số 31), nguyên đơn xác định sau đám hỏi, ngày 23.10.2017 âm lịch chị Ng về gia đình bên bị đơn chụp hình cổng. Khi về, chị Ng nói lại cho nguyên đơn nghe là gia đình chồng kêu lấy tiền nạp tài đám cưới để trả tiền xe, nếu không đồng ý hủy đám cưới. Sau khi nghe chị Ng nói thì nguyên đơn có nhờ ông H nhà ở ấp SD xã TB huyện CT tỉnh TN hỏi lại gia đình bị đơn thì gia đình bị đơn cũng trả lời là lấy tiền nạp tài trả tiền xe nếu không đồng ý thì hủy đám cưới. Gia đình nguyên đơn có mời bị đơn lên nhà để nói rõ vấn đề trên thì bị đơn không đến. Sau 01 tuần bị đơn không đến nguyên đơn đi hủy các hợp đồng nấu ăn và hợp đồng xe đưa dâu. Sau 01 tuần kể từ khi nguyên đơn hủy các hợp đồng trên thì bị đơn cậy người đến xin lỗi để tiếp tục đám cưới.

Tại phiên tòa nguyên đơn xác định nếu đám cưới vẫn diễn ra thì nguyên đơn không yêu cầu bồi thường và xác định ngày 23-10-2017 âm lịch sau khi nghe chị Ng nói, sáng 24-10-2017 âm lịch nguyên đơn có gọi điện cho bà H hỏi vấn đề trên nhưng không ấn định thời gian ngày giờ cụ thể, đến trưa cùng ngày nguyên đơn đến gặp ông H, nói vấn đề trên nhưng không yêu cầu ông H đến gặp nhà trai sau đó nguyên đơn thay đổi lời trình bày xác định có yêu cầu ông H đến gặp nhà trai làm rõ vấn đề trên.

Ông Trần Văn H xác định việc nguyên đơn trình bày đã yêu cầu ông đến gia đình bị đơn làm rõ vấn đề sử dụng tiền nạp tài đám cưới vào việc thuê xe đưa dâu, ông mới nghe lần đầu tại phiên tòa, nguyên đơn không có trao đổi với ông về vấn đề trên.

Tại khoản 1,2 Điều 584 Bộ luật dân sự quy định: Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại thì: *“1. Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.*

2. Người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Xét thấy: Việc nguyên đơn xác định đã mời gia đình bị đơn đến để nói rõ thì gia đình bị đơn không đến, sau 01 tuần nguyên đơn tự đồng đi hủy các dịch vụ nấu ăn, xe rước dâu, nhưng nguyên đơn không có chứng cứ để chứng minh

việc nguyên đơn có mời bị đơn hay không? Mặc khác theo nguyên đơn thì nguyên đơn có mời bị đơn nhưng không ấn định thời gian cụ thể. Như vậy, chưa có cơ sở xác định nguyên nhân nguyên đơn đi hủy các dịch vụ nấu ăn, xe rước dâu ngày đám cưới là do bị đơn gây ra. Lẽ ra nguyên đơn phải trực tiếp làm rõ các thông tin trước khi hủy các dịch vụ nấu ăn, xe rước dâu thì thiệt hại không xảy ra. Nên không có căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo Điều 584 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu 725.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của bà Đỗ Thị Ch đối với ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thúy H.

2. Án phí: Bà Đỗ Thị Ch phải chịu 725.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 512.500 đồng theo biên lai thu số 0017150 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Bà Ch còn phải nộp 212.500 đồng tiền án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKS ND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hiệp